



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)  
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 26/2023

(20/06/2023 – 26/06/2023)

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Theo các dữ liệu công khai mà công ty chúng tôi ghi nhận được, từ đầu năm đến nay có khoảng 335 tàu hàng khô đã qua sử dụng được chuyển nhượng quyền sở hữu thành công, giảm 24% so với cùng kỳ năm 2022. Riêng quý 2/2023 này hoạt động mua bán có xu hướng giảm nhẹ so với đầu năm và giảm 37,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong nửa đầu năm nay, tỷ lệ giao dịch mua bán các phân khúc tàu cơ bản như sau: Supramax và Handysize chiếm lần lượt 27% và 25%, Capesize chiếm 13%, Ultramax và Panamax đều chiếm tỷ lệ khoảng 10% (còn lại phân khúc khác và tàu nhỏ 15%). Ngoài ra, người Mua đặc biệt quan tâm các tàu không quá già: gần một nửa số tàu giao dịch thuộc nhóm 11-15 tuổi, nhóm trẻ 6-10 tuổi cũng chiếm tỷ lệ cao.

Ở mảng tàu hàng khô, kể từ đầu tuần, chỉ số BDI đã tăng từ mức 1.078 điểm lên 1.240 điểm, song hiện tại giảm nhẹ xuống 1.233 điểm. Như dự đoán tuần trước, thị trường thuê tàu phân khúc Capesize bật tăng 36%. Các phân khúc còn lại đều rớt nhẹ 1-2%, nhìn chung không còn giảm quá sâu. Do đang vào mùa mưa nên thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến lịch trình làm hàng và việc này dễ dẫn đến tình trạng kẹt cầu tại các cảng. Tuần qua ở phân khúc Handymax, tàu **Bunnun Brave** (45.556 dwt, đóng 2014 tại xưởng Tsuneishi Zhoushan, Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 07/2024) bán với giá khoảng 19 triệu đô la Mỹ. Đã 2 tháng qua mới ghi nhận thêm tàu Handymax trẻ bán trên thị trường. Đây sẽ là mốc tham chiếu cho các tàu tương tự trong thời gian tới. Ở phân khúc Handysize, tàu **Comity** (37.302 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, máy chính Wartsila, DD/SS 02/2025) bán với giá khoảng 12,8 triệu đô la Mỹ. Mức giá này khá cao nếu so với tàu có trọng tải nhỏ hơn **Ithaca Stockholm** (35.033 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 12/2023, SS 12/2025) bán tháng trước với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Tuần qua có tin tàu **IVS Orchard** (32.535 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, DD/SS 07/2025) bán với giá khoảng 10,8 triệu đô la Mỹ song trên thực tế, thương vụ này không thành công và tàu hiện đang chào bán lại. Mức giá trên nếu chốt thì khá rẻ đối với tàu dạng này (hầm hàng hộp, chở được gỗ, vừa qua đà DD 4/2023 và đã lắp hệ thống xử lý nước dằn). Cách đây 2 tuần tàu tương tự nhưng trọng tải lớn hơn **Seastar Endurance** (34.290 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, DD 10/2024, SS 09/2026) bán với giá khoảng 11,75 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu hóa chất, dựa trên dữ liệu mua bán từ đầu năm đến nay, số lượng giao dịch đã giảm 30% so với quý 1/2023. Phân khúc được người Mua săn đón nhất nửa đầu năm là MR2 (45.000 – 55.000 dwt) với trên 100 tàu được mua bán thành công, chiếm 30% tổng giao dịch 6 tháng đầu năm. Các phân khúc tàu nhỏ, Aframax và LR đều chiếm tỷ lệ khoảng 15%. Phân khúc VLCC và Suezmax ghi nhận nhu cầu tìm mua giảm, tỷ lệ tương ứng là 6% và 9%. So với cùng kỳ năm 2022, số lượng giao dịch mua bán tàu dầu/hóa chất đang cao hơn 27%. Độ tuổi tàu được ưa chuộng trong quý 2/2023 là nhóm 10-15 tuổi vì giá tương đối hợp

lý, tiếp theo là 6-10 tuổi (tàu trẻ hơn, giá rất cao). Đáng lưu ý là trong quý 1/2023, tàu già 16-20 tuổi lại được mua bán nhiều nhất (trên 90 tàu).

Hiện tại chỉ số BDTI đã giảm liên tục xuyên tuần (mất 184 điểm so với tuần trước) còn chỉ số BCTI thì biến động không đáng kể. Tuy rằng các tin tức địa chính trị làm thị trường biến động không ngừng, song với nội dung chủ đề tại Hội nghị năng lượng châu Á 2023 tại Kuala Lumpur, Malaysia là "Tạo dựng con đường tới một châu Á bền bỉ" (Charting Pathways of a Sustainable Asia) – các nhà phân tích cho rằng việc tăng trưởng kinh tế tại Châu Á, đặc biệt từ hai quốc gia tỷ dân Trung Quốc - Ấn Độ, sẽ thúc đẩy nhu cầu dầu toàn cầu bất chấp suy thoái năm nay. Tuần qua các giao dịch mua bán trải đều các phân khúc. Ở phân khúc Aframax ghi nhận tàu trẻ **Elandra Osprey** (157.470 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc) bán với giá 75 triệu đô la Mỹ - gần tương đương giá tàu đóng mới! Giá bán tàu này năm 2022 chỉ vào khoảng 64-65 triệu đô la Mỹ, tăng khoảng 15%. Trong khi đó tàu già **Sonangol Kassanje** (158.706, đóng 2005 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 06/2025) bán cho Infinity Shipping với giá khoảng 34 triệu đô la Mỹ, giảm trung bình 1-2 triệu so với 3 tháng trước. Ở phân khúc MR, tàu chemical **Gulf Jumeirah** (46.488 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) bán với giá khoảng 23,5 triệu đô la Mỹ. Do tàu sắp đến hạn DD/SS 12/2023 nên giá này khá mềm so với tàu bán 2 tuần trước là **Eagle Bay** (47.134 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 01/2026, SS 02/2028) với giá khoảng 24,2 triệu đô la Mỹ. Cũng trong tuần qua, tàu chemical già hơn 2 tuổi **Ridgebury Galileo** (47.872 dwt, đóng 2006 Hàn Quốc, DD 10/2024, SS 05/2026) bán với giá khoảng 19 triệu đô la Mỹ - mức này cũng gần bằng giai đoạn thị trường cao điểm tháng 3-4/2023.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<b>BULKERS</b>						
<b>Aquaenna</b>	2011	China	175,975	High 22	Costamare	BWTS fitted, DD/SS 12/2025
<b>Santa Cruz</b>	2011	Japan	83,456	18.60	Undisclosed	On subs, BWTS fitted, DD 03/2024, SS 06/2026
<b>Rikke</b>	2016	Tsuneishi Zhoushan, China	81,895	27.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 07/2024, SS 07/2026
<b>JY Pacific</b>	2019	China	81,139	28.76	Undisclosed	Auction sale, BWTS fitted, DD/SS 06/2024
<b>Coral Opal</b>	2012	Japan	78,090	19.80	Undisclosed	BWTS fitted, DD 02/2025, SS 03/2027
<b>Prabhu Puni</b>	2002	Japan	76,015	9.60	Undisclosed	BWTS fitted, DD 03/2025, SS 05/2027
<b>Hanton Trader III</b>	2014	China	63,800	23.60	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 11/2024
<b>Gemini Confidence</b>	2019	China	63,270	27.25	Avic Leasing	BWTS fitted, DD/SS 07/2024
<b>Virgo Confidence</b>	2019	China	63,206	27.25		BWTS fitted, DD/SS 07/2024
<b>RHL Julia</b>	2009	Japan	55,701	Undisclosed	Undisclosed	<i>Previous sale at 15.9M on week 22/2023 was failed, poor condition, BWTS fitted, DD/SS 11/2024</i>
<b>Bunun Brave</b>	2014	Tsuneishi Zhoushan, China	45,556	19.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 07/2024
<b>Comity</b>	2010	China	37,302	12.80	Undisclosed	BWTS fitted, ice class 1C, M/E Wartsila, DD/SS 02/2025

<b>IVS Orchard</b>	2011	China	32,535	10.80	Undisclosed	Semi-box shaped, BWTS fitted, log-fitted, DD passed 04/2023, next DD/SS 7/2025, Singaporean owners
<b>TANKERS</b>						
<b>Lulu</b>	2003	Korea	316,507	42.50	Chinese	DD/SS due 07/2023
<b>Athenian Glory</b>	2011	Korea	298,996	65.00	Greek	BWTS & scrubber fitted, DD 11/2023, SS 11/2025
<b>Sonangol Kassanje</b>	2005	Korea	158,706	34.00	Infinity Shipping	BWTS fitted, DD/SS 06/2025
<b>Elandra Osprey</b>	2018	Korea	157,470	75.00	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD 08/2025, SS 04/2028
<b>Berica</b>	2008	Japan	115,146	Undisclosed	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS due 10/2023
<b>Pro Triumph</b>	2009	Korea	105,272	38.00	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 01/2024
<b>Falcon Sextant</b>	2009	Korea	50,994	Undisclosed	Far Eastern	Chemical IMO II/III, epoxy coated, DD/SS 09/2024
<b>Gulf Jumeirah</b>	2008	Korea	46,488	23.50	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated DD/SS due 12/2023
<b>Ridgebury Galileo</b>	2006	Korea	47,872	19.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, ice class 1A, DD 10/2024, SS 05/2026
<b>Sampurna Swarajya</b>	1999	Korea	32,950	4.22	UAE-based	Court auction sale, BWTS fitted, DD over due, SS 01/2024
<b>Mermaid</b>	2006	Korea	11,262	8.25	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy coated, DD 05/2025, SS 09/2026
<b>Bomar Quest</b>	2003	Japan	8,501	4.80	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS due 09/2023
<b>CONTAINERS</b>						
<b>Mellum</b>	2010	China	25,985	12.00	Milaha	Purchase option declared, 1810 teu, BWTS fitted, DD/SS 04/2025, German owner
<b>Holandia</b>	2000	Poland	9,113	5.70	Salamis Lines	907 teu, fully cellular, CR 2X45T, ice class 1A, DD due 09/2023, SS 09/2025

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	06/ 2023	1M	3M	6M	12M	

#### CAPE SIZE

180k dwt	Resale	63.50	-5%	1%	19%	0%	52.50
180k dwt	5 tuổi	50.50	-8%	-5%	16%	-6%	36.75
170k dwt	10 tuổi	31.50	-6%	-2%	11%	-16%	26.00
150k dwt	15 tuổi	19.50	-9%	-7%	5%	-20%	16.50

#### PANAMAX

82k dwt	Resale	38.50	-6%	-1%	3%	-14%	33.50
82k dwt	5 tuổi	32.00	-7%	0%	5%	-17%	26.50
76k dwt	10 tuổi	21.50	-16%	-11%	-2%	-27%	17.75
74k dwt	15 tuổi	15.00	-14%	-5%	-2%	-24%	12.00

#### SUPRAMAX

62k dwt	Resale	37.00	-6%	-3%	1%	-13%	31.25
58k dwt	5 tuổi	29.50	-8%	-3%	7%	-14%	21.50
56k dwt	10 tuổi	20.25	-8%	-4%	9%	-17%	15.75
52k dwt	15 tuổi	14.75	-8%	-8%	-3%	-22%	11.00

#### HANDYSIZE

37k dwt	Resale	32.50	-3%	3%	12%	-4%	25.50
37k dwt	5 tuổi	25.50	-6%	-4%	6%	-12%	19.00
32k dwt	10 tuổi	17.50	-10%	-8%	6%	-13%	12.50
28k dwt	15 tuổi	11.50	-12%	-8%	10%	-19%	7.75

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	06/ 2023	1M	3M	6M	12M	

#### VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	1%	22%	97.00
310k dwt	5 tuổi	100.50	0%	0%	6%	30%	72.50
250k dwt	10 tuổi	75.50	-1%	-1%	7%	44%	49.50
250k dwt	15 tuổi	58.50	-3%	-3%	0%	52%	34.25

#### SUEZMAX

160k dwt	Resale	90.00	2%	5%	6%	20%	66.50
150k dwt	5 tuổi	73.50	1%	7%	14%	35%	49.50
150k dwt	10 tuổi	58.50	2%	9%	23%	52%	34.25
150k dwt	15 tuổi	37.50	1%	10%	19%	56%	21.00

#### AFRAMAX

110k dwt	Resale	79.50	0%	1%	6%	24%	54.00
110k dwt	5 tuổi	64.00	0%	2%	8%	29%	40.00
105k dwt	10 tuổi	52.50	0%	4%	18%	48%	27.50
105k dwt	15 tuổi	34.50	0%	5%	19%	50%	17.00

#### MR

52k dwt	Resale	51.00	0%	5%	5%	21%	39.00
52k dwt	5 tuổi	41.50	-2%	-1%	2%	22%	29.75
45k dwt	10 tuổi	33.50	-3%	0%	10%	31%	20.25
45k dwt	15 tuổi	23.50	-4%	4%	9%	52%	12.75

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	180,000 dwt	36.50	4	Hengli H.I.	H.Vogemann	2026	Price per unit
Bulker	82,000 dwt	34.50	4	Hengli H.I.	H.Vogemann	2026	Price per unit
Bulker	64,000 dwt	-	6	DACKS	Norden	2025 - 2026	
OHBS	40,000 dwt	29.00	10	Jiangmen Nanyang	Ciner Shipping, Turkey	2026	Price per unit
Bulker	42,200 dwt	34.00	1	Tsuneishi Japan	Wisdom Marine Lines	2026	
Container	24,000 teu	-	12	Yangzijiang	CMA-CGM	2026	
Container	16,000 teu	175.00	24	Samsung Korea	Evergreen Marine	2026 - 2027	Price per unit, methanol dual-fuel
Container	16,000 teu	175.00	24	Nihon Japan	Evergreen Marine	2026 - 2027	Price per unit, methanol dual-fuel
Tanker	157,000 dwt	71.00 - 73.00	2	New Times	Polembros	FH 2025	Price per unit
Tanker	50,000 dwt	46.80	4	Hyundai Mipo	Mitsui Bussan Kaisha	Dec 2025	Price per unit
PCTC	7,500 ceu	90.00	4	China Merchants Jinling	Sallaum Lines	2026	Price per unit, LNG dual-fuel

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	06/ 2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	2.36%	1.56%	0.00%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	1.20%	13.51%	7.69%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	8.57%	4.11%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	33.0	0.00%	8.20%	-1.49%	-4.35%

Giá trị tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	06/ 2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	127.0	1.60%	4.96%	4.96%	5.83%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	1.18%	6.17%	4.88%	4.88%
A.max (115.000 dwt)	68.5	1.48%	7.03%	5.38%	5.38%
MR (56.000 dwt)	47.5	1.06%	4.40%	6.74%	7.95%

### 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

#### 3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua dường như đã chạm đáy khi mà một vài khu vực đã dần ổn định hơn, tuy nhiên vẫn còn đó những nơi mà cước đang tiếp tục giảm sâu. Cụ thể cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 8.178 đô la Mỹ, giảm chỉ 52 đô la Mỹ (tương đương 0,63%) so với mức 8.230 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, tàu **Federal Iris** (63.498 dwt, đóng 2016) được chốt đi ngay từ CJK, chở hàng rời qua Úc đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 10.000 đô la Mỹ, Pacific Basin chốt tàu **Aqualea** (63.948 dwt, đóng 2018) giao nguyên trạng, đi ngay qua Busan, tiếp đó qua Bắc Thái Bình Dương đến Đông Nam Á với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ, cùng lúc tàu **Merida** (56.670 dwt, đóng 2012) được chốt đi ngay từ Qinzhou, chở clinke đến Bangladesh với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ, tàu **Effy N** (55.804 dwt, đóng 2009) được chốt đi ngay ở Niihama qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 7.250 đô la Mỹ. Cùng lúc ở Ấn Độ Dương, Clipper chốt tàu **FJ Dalia** (64.273 dwt, đóng 2023) đi từ Cảng Elizabeth (02-08/07) đến Trung Quốc với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ cộng với 200.000 chi phí ballast, Midstar chốt tàu **Um Elhanya** (56.726 dwt, đóng 2010) đi ngay từ Salalah đến Đông Nam Á với giá khoảng 8.300 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, Drylog chốt tàu **Alora** (63.008 dwt, đóng 2017) đi từ Bắc Brazil (01-07/07) đến Atlantic-Columbia với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ, Skyfusion chốt tàu **Amis Star** (61.123 dwt, đóng 2019) đi ngay từ Abidjan đến Onne, chở phân bón qua Biển Đỏ đến Port Said với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ, đồng thời Aston chốt tàu **Nikolaos A** (58.122 dwt, đóng 2009) đi từ Santos (05-15/07) đến Chittagong với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ cộng thêm 450.000 đô la Mỹ chi phí ballast, Sucden chốt tàu **Tai Hervest** (50.338 dwt, đóng 2003) đi ngay từ Santos đến Biển Đen với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, WBC thuê tàu **DSI Altair** (60.309 dwt, đóng 2016) giao ở Bờ Tây Ấn Độ (25/06) tối thiểu đến 10/08/2024 hoặc tối đa đến 10/10/2024 và trả tàu ở nơi bất kỳ với giá khoảng 13.800 đô la Mỹ.

Thị trường phân khúc **Handies** tuần qua vẫn chưa thể khả quan hơn, cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 8.197 đô la Mỹ, giảm 149 đô la Mỹ so với mức 8.346 đô la Mỹ của tuần trước. Các ngày nghỉ lễ ở Trung Quốc tuần qua khiến cho nhu cầu chở hàng mới giảm xuống mức tối thiểu. Tuy nhiên sắp tới có thể xuất hiện tin tích cực cho nguồn hàng từ Nhật Bản. Ở Đông Nam Á, nhận thấy số lượng tàu neo đậu đang tăng là nguyên nhân chính khiến cho cước tiếp tục giảm. Có tin tàu **Pacific Cypress** (38.055 dwt, đóng 2012) neo ở Belawan được chốt đến Hàn Quốc với giá khoảng 8.250 đô la Mỹ. Thêm tin tàu **AC Splendor** (32.740 dwt, đóng 2005) neo ở Humen được vài chuyến với giá khoảng 8.000-8.500 đô la Mỹ. Tàu **Clara Enterprise** (33.428 dwt, đóng 2017) được chốt giao nguyên trạng ở Singapore, chở 2-3 chuyến hàng với giá khoảng 9.100 đô la Mỹ. Tàu **Destiny** (29.229 dwt, đóng 2010) neo ở Bunbury được chốt chở than với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, tàu **Eastern Hawk** (37.520 dwt, đóng 2020) được chốt đi từ Houston, chở than cốc đến khu vực WCSA-WCCA với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ, cùng lúc Lighthouse chốt tàu **Bunun Power** (37.283 dwt, đóng 2021) chở thép qua Canakkale đến khu vực Tampa-Vera với giá khoảng 6.500 đô la Mỹ/ngày cho 50 ngày đầu và các ngày tiếp theo khoảng 8.000 đô la Mỹ, Cargill chốt tàu **Bobic** (31.896 dwt, đóng 2006) chở hàng rời từ Canakkale đến Algeria với giá khoảng 6.000 đô la Mỹ.

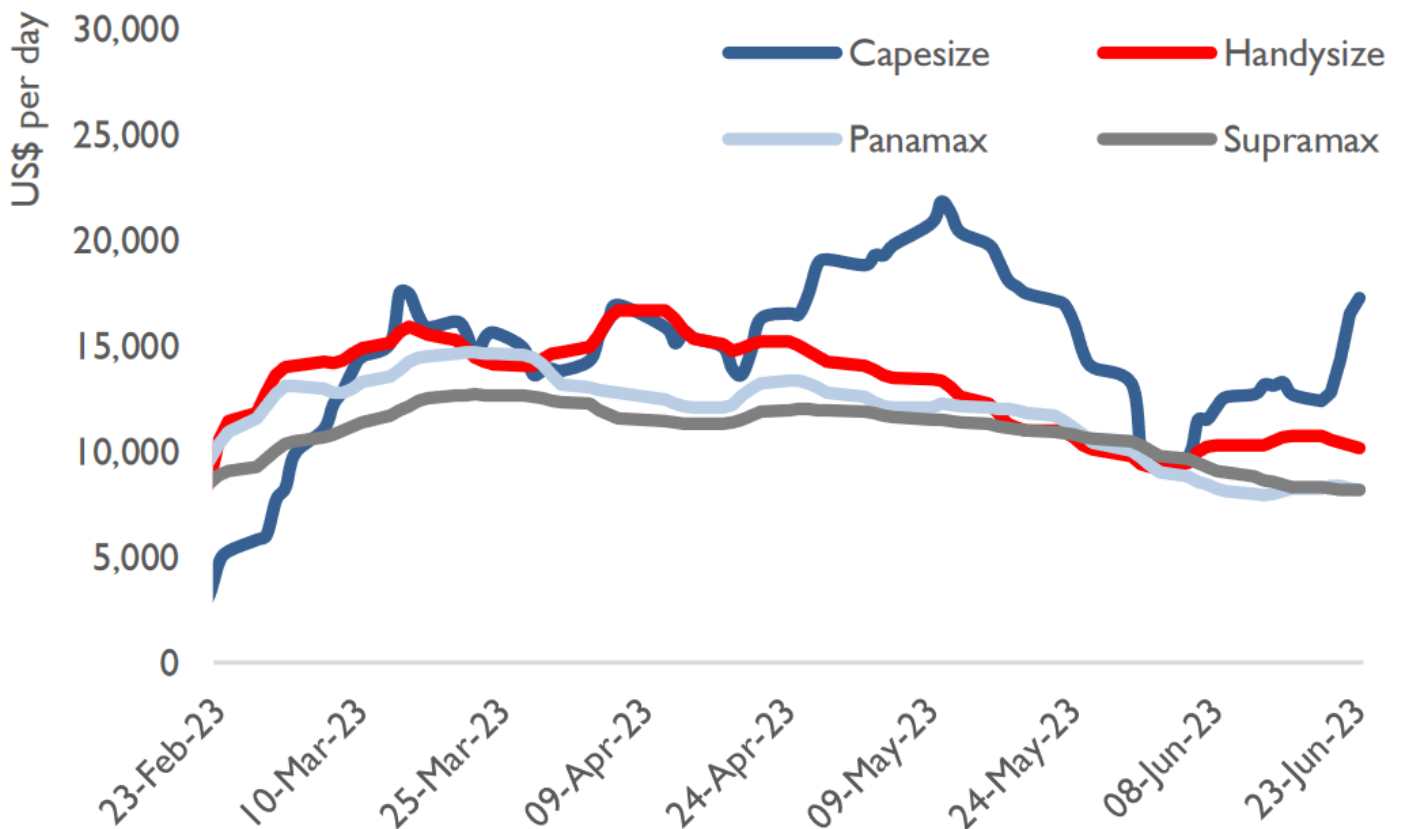
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 26/2023 vừa qua:

<b>RATES/PANAMAX</b> (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 26/2023	TUẦN 25/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 26)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 26)
TRANSATLANTIC RV	7,683	8,270	4,830	15,233
TCT CONT/F.EAST	17,564	18,614	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	3,675	3,879	3,391	9,260
TCT F.EAST RV	9,789	10,593	6,763	14,904
<b>RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)</b>				
ATLANTIC RV	8,241	8,452	6,630	17,016
PACIFIC RV	7,188	7,331	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	12,004	13,492	12,004	19,863

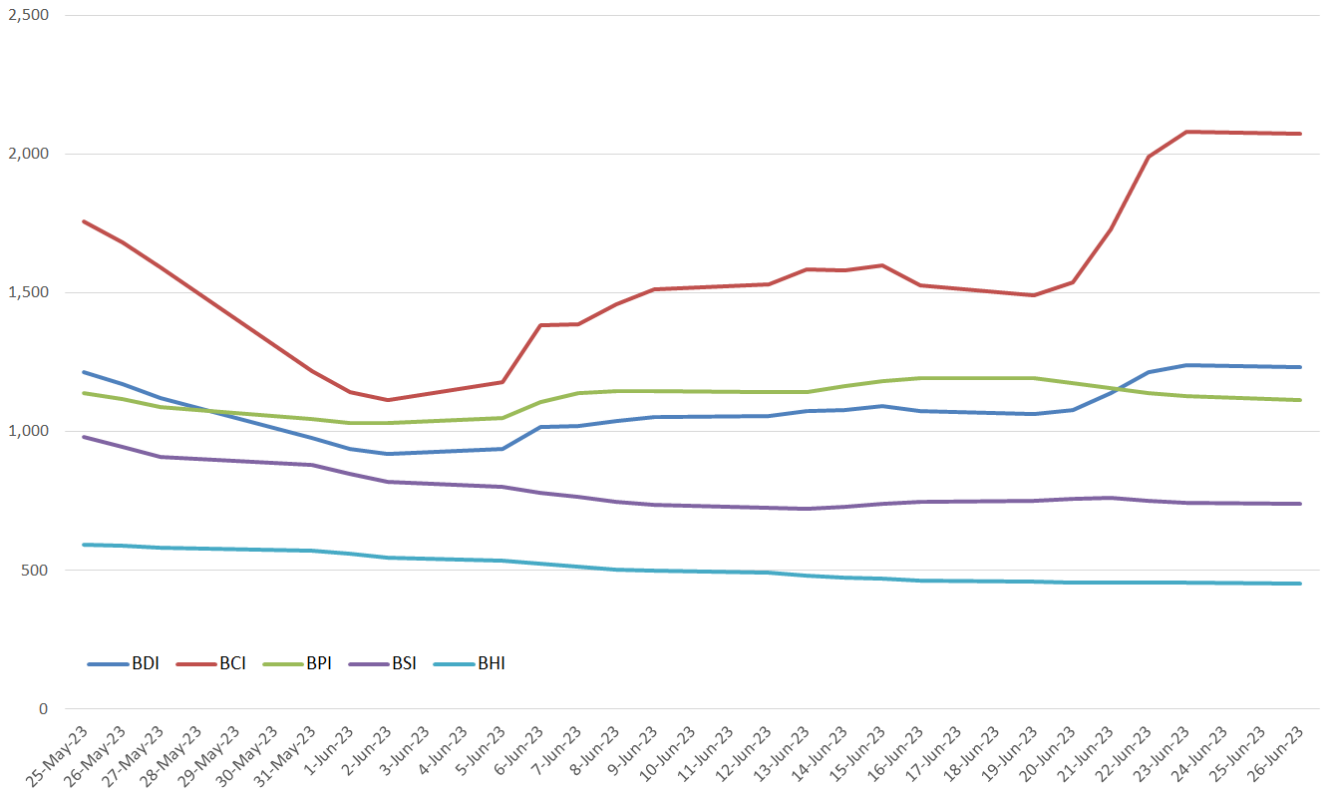
### GIA THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 23/06/2023

	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	8,178	▼	52
HANDIES 38K	8,197	▼	149

(so sánh với giá trị ngày 16/06/2023)



# CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



## 3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu WTI giao dịch ở mức 69,46 đô la Mỹ/thùng, tăng 0,02 đô la Mỹ/thùng trong khi đó dầu Brent giao dịch mức 74,09 đô la Mỹ/thùng, tăng 0,34 đô la Mỹ/thùng so với đầu giờ sáng qua.

Theo phân tích, giá dầu tăng nhẹ do tâm lý lo ngại về tình hình chính trị ở Nga liên quan tới Công ty Quân sự Tư nhân Wagner đã làm dấy lên lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung dầu. Bên cạnh đó, trong một chỉ báo ban đầu về nguồn cung trong tương lai của Mỹ, số lượng giàn khoan dầu và khí đốt tự nhiên do các công ty năng lượng nước này vận hành đã giảm tuần thứ tám liên tiếp.

Đồng thời, Ả Rập Xê-út có thể đang tìm cách cắt giảm các chuyến hàng dầu thô đến Mỹ từ tháng tới để thắt chặt nguồn cung thị trường dầu mỏ minh bạch nhất thế giới. Theo báo cáo, Quốc gia này chuẩn bị đơn phương cắt giảm 1 triệu thùng mỗi ngày từ sản lượng dầu thô vào tháng 7, các chuyến hàng dầu thô của họ sang phía tây có thể bị ảnh hưởng nhiều hơn so với xuất khẩu sang thị trường chính của họ là châu Á, nơi không có được sự minh bạch về lượng dầu tồn kho như Mỹ.

### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<b>Phân khúc tàu VLCC</b>	Tại khu vực Trung Đông, nguồn cung tàu đang có dấu hiệu tăng trở lại sau khi cơn bão tại bờ tây Ấn Độ đi qua. Cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc đã giảm mạnh gần 20 điểm so với tuần trước đó và hiện đang dao động quanh mức WS 66 – tương đương khoảng 32.000 đô la Mỹ/ngày. Tại khu vực Đại Tây Dương, các giao dịch cũng đang có chiều hướng đi xuống với ghi nhận cước trên tuyến Tây Phi đi Trung Quốc đã giảm khoảng 15 điểm xuống mức WS 64. Các chủ tàu đang hy vọng rằng, các hoạt động tại khu vực sẽ được hồi phục trong tuần này để giải phóng hết nguồn cung tàu sẵn có tại khu vực Trung Đông.
---------------------------	--

<p><b>Phân khúc tàu Suezmax</b></p>	<p>Nhìn chung, các giao dịch của phân khúc tàu Suezmax có xu hướng giảm trong tuần vừa qua. Ghi nhận, cước trên tuyến Nigeria/Rotterdam đã giảm 15 điểm xuống mức WS 122 – xấp xỉ khoảng 52.800 đô la Mỹ/ngày. Theo đánh giá, xu hướng thị trường sắp tới chưa được xác định rõ ràng do việc áp đặt truy thu thuế cho các chủ tàu từ Chính phủ Nigeria. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc mở rộng vận chuyển hàng hóa từ khu vực Tây Phi. Theo ghi nhận, cước từ khu vực Biển Đen đi Địa Trung Hải đang dao động quanh mức 51.000 đô la Mỹ/ngày. Trong khi đó, khu vực Trung Đông được đánh giá ở mức khả quan nhất với ghi nhận khá nhiều giao dịch được ký kết đi khu vực phía Đông.</p>
<p><b>Phân khúc tàu Aframax</b></p>	<p>Tại khu vực Địa Trung Hải và Biển Đen, xu hướng thị trường không có nhiều sự thay đổi so với tuần trước đó. Ghi nhận cước trên tuyến Ceyhan/Lavera đang ở mức WS 142. Tại khu vực UKC, các hoạt động diễn ra có phần sôi động hơn trong khi tại khu vực Biển Bắc, các chủ tàu tiếp tục trải qua một tuần đáng thất vọng khi người thuê tiếp tục gây sức ép lên mức cước do nguồn cung hàng hóa khan hiếm. Tại khu vực Châu Á, ghi nhận cước đi khu vực Đông Úc đang được ghi nhận quanh mức 30.000 đô la Mỹ/ngày và cước từ Kuwait đi Singapore đang xấp xỉ ở mức 48.500 đô la Mỹ/ngày.</p>

### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR**, Tại khu Bắc Á, các hoạt động giao dịch diễn ra tương đối ổn định trong tuần vừa qua song cước không có nhiều sự biến động. Theo dự báo, các giao dịch từ Trung Quốc sẽ sớm quay trở lại sau một thời gian vắng bóng và các chủ tàu đang hy vọng một lượng lớn hàng hóa sẽ tham gia vào thị trường. Tuy nhiên, với nguồn cung tàu sẵn có đang ở mức cao sẽ khiến cho cước tại khu vực không có nhiều sự thay đổi. Tại khu vực Đông Nam Á, nguồn cung tàu vẫn đang ở mức cao và vượt quá nhu cầu của hàng hóa. Do đó, người thuê tàu có tâm lý khá lạc quan và không quá vội trong việc ký kết tàu nhằm mục đích giảm cước. Đơn cử, cước trên tuyến Singapore đi Đông Úc được ký kết xấp xỉ ở mức 19.300 đô la Mỹ/ngày. Đối với khu vực Đại Tây Dương, thị trường đang rơi vào tình trạng ảm đạm. Ghi nhận, cước trên tuyến Cont/USAC vẫn tiếp tục duy trì ở mức WS 125 tương đương với khoảng 10.000 đô la Mỹ/ngày. Hàng hóa tại thị trường Mỹ đã có nhiều bước cải thiện trong tuần vừa qua với khá nhiều tàu chạy ballast từ khu vực Châu Âu sang USG. Tuy nhiên, cước trên tuyến USG/Continent đã giảm khoảng 12.5 điểm so với tuần trước đó và hiện đang ở mức WS 105.

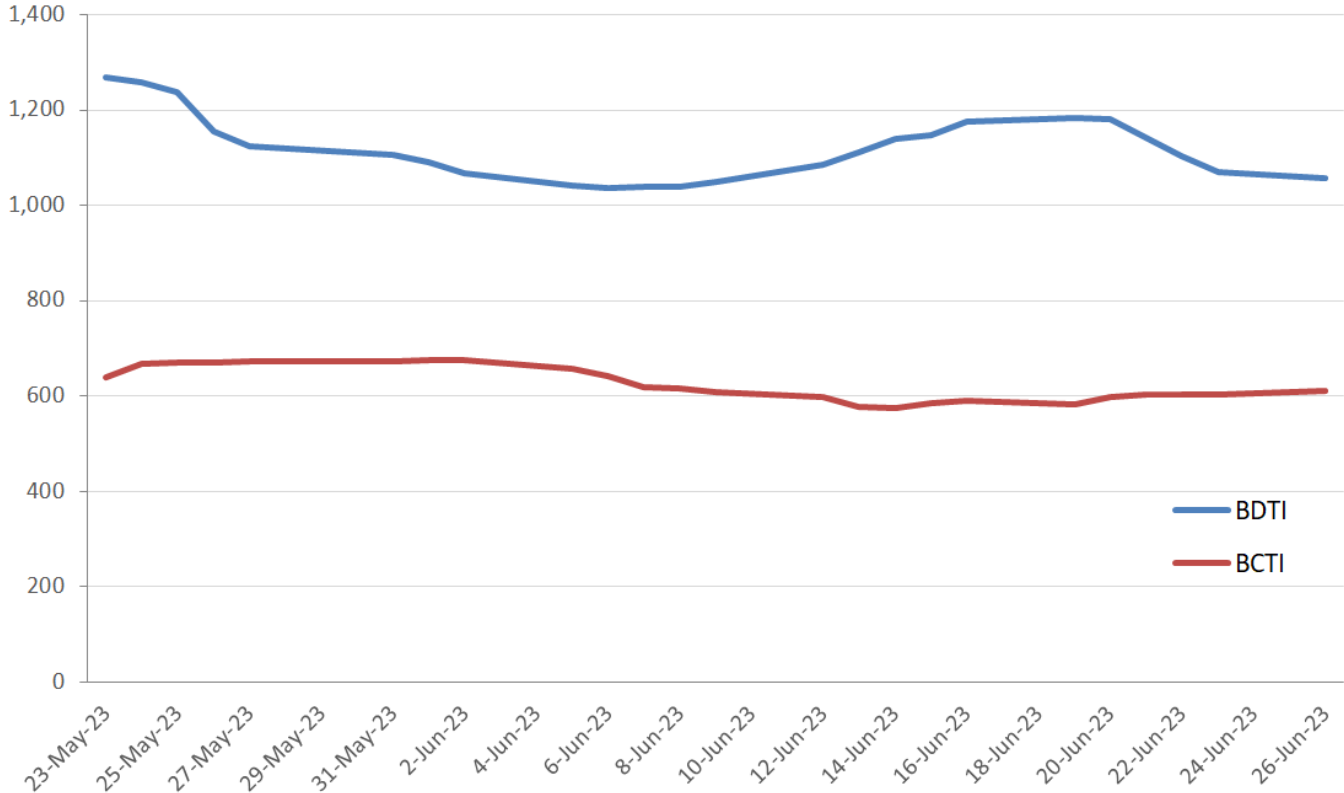
**Phân khúc tàu chở dầu/ hóa chất nhỏ:** Tại khu vực Trung Đông: ảnh hưởng của bão tại bờ tây Ấn Độ trước đó đã khiến cho nhiều tàu bị trễ lịch trình xếp hàng cho chuyến tiếp theo dẫn tới cước ký kết cho những tàu thay thế tăng cao. Theo đánh giá, hai tuần vừa qua được xem như là một cơn ác mộng cho người thuê tàu tại khu vực nhưng trái lại giúp cho các chủ tàu hưởng lợi từ nguồn cung tàu chưa được ký kết. Tuy nhiên, việc tăng cước chỉ mang tính chất tạm thời và thị trường sẽ trở về tọa độ cũ sau khi người thuê giải quyết được vấn đề tồn đọng hàng hóa. Tại khu vực Châu Âu: Các giao dịch vận chuyển axit sulfuric đang được xem là điểm sáng của thị trường với nguồn hàng trong tháng 7 và 8 từ khu vực ARA, Baltic và Biển Đen đã được tung ra thị trường. Đối với các giao dịch còn lại, các giao dịch dường như trầm lắng do xu hướng của thị trường mùa hè. Theo dự báo, nhiều chủ tàu sẽ quyết định chạy ballast sang khu vực USG – nơi được xem là có một chút ít kỳ vọng trong thời điểm hiện tại.



Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 26			Giá thuê tàu định hạn tuần 25		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	47,000	42,000	37,000	46,000	41,000	36,000
SUEZMAX	46,000	36,000	32,000	46,000	36,500	31,000
AFRAMAX	49,000	38,000	31,000	48,000	37,500	31,000
LR-2	46,500	37,500	31,500	47,000	37,000	31,000
LR-1	37,000	30,000	25,000	38,000	29,000	25,000
MR	28,500	25,000	21,500	28,500	25,000	22,000
HANDY	23,000	18,000	15,000	-	-	-

### CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



### 4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

#### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	575	▼ 10	605	▼ 10	625	▼ 10
2	India	520	▼ 10	540	▼ 10	560	▼ 10
3	Pakistan	510		530		550	
4	Turkey	320		330		340	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

## MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 26/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	Dwt	Comments
Shun Hang Wei Ye	Bulker	1991	8,207	-	510.00	43,473	As is Guangdong
Seapeak Polar	LNG	1993	24,476	-	637.00	48,817	As is Khor Fakkan

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG  
PIONEER SHIPBROKERS  
MUA – BÁN – THUÊ TÀU  
Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.  
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*